TAND HUYÊN CHƯƠNG MỸ **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ---------- Bản án số: 23/2018/HS- ST Ngày 07 tháng 02 năm 2018	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng;

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trọng;
2. Bà Nguyễn Thị Liên.

-Thư ký phiên tòa: Ông Tô Mạnh Hà - Thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2018, tại trụ sở TAND huyện Chương Mỹ, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/TLST- HS ngày 11/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST – HS ngày 19/01/2018 đối với:

1. ***Các bị cáo***:

1. 1. **Nguyễn Tri S**, sinh năm 1971. ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12. Con ông Nguyễn Tri Q(Đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1930. Vợ là Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1973. Có 02 con - Lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 464 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.2. **Phùng Xuân B**, sinh năm1977. ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 9/12. Con ông Phùng Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị S , sinh năm 1954. Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm1984. Có 03 con - Lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 460 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.3. **Nguyễn Bá Ng**, sinh năm 1979. ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 7/12. Con ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị N (Đã chết). Vợ là Vũ Thị H, sinh năm1983. Có 02 con – Lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 468 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.4. **Bùi Đình L**, sinh năm 1977. Nguyên quán: Xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn G, xã Th, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Bùi Đình T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952. Vợ là Tào Thị Ch, sinh năm1978. Có 01 con, sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 461 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.5. **Nguyễn Công Th**, sinh năm 1981. ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 5/12. Con ông Nguyễn Công V (Đã chết) và bà Trương Thị B, sinh năm 1944. Vợ là Lê Thị H, sinh năm1986. Có 02 con - Lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 467 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.6. **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1982. ĐKHKTT: Thôn G, xã Th, huyện C, Thành phố Hà Nội. Hiện cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 7/12. Con ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952. Vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm1983. Có 02 con - Lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 458 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.7. **Nguyễn Tú A**, sinh năm 1988. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo:

Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 12/12. Con ông Nguyễn Tri Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 457 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt.

1.8. **Nguyễn Trọng S1**, sinh năm 1988. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 4/12. Con ông Nguyễn Trọng Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1952. Vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm1992. Có 03 con - Lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 459 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố Hạ Long, theo lệnh tạm giam số 36 ngày 03/01/2018 về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy" của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long . Có mặt.

1.9. **Phùng Xuân N**, sinh năm 1971. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hoá: 4/12. Con ông Phùng Xuân V và bà Nguyễn Thị D (Đều đã chết). Vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm1972. Có 03 con - Lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị bắt tạm giữ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn "Tạm giữ" bằng biện pháp " Cấm đi khỏi nơi cư trú". Danh chỉ bản số 462 do Công an huyện Chương Mỹ lập ngày 01/11/2017. Có mặt tại phiên tòa;

2. Người làm chứng:

2.2. Anh Nguyễn Tiến T1, sinh năm 1980. ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2.2.Anh Nguyễn Danh B1, sinh năm 1985. ĐKHKTT và cư trú tại: Thôn T, xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/10/2017, Nguyễn Bá Ng cùng với Phùng Xuân B, Nguyễn Công Th, Phùng Xuân N và Bùi Đình L đến nhà anh Nguyễn Tiến T1chơi, trong lúc ngồi chơi, Ng, B, Th, Năm, L thấy bát đĩa và 04 quân vị cắt

hình tròn ở tủ nhà anh T1 liền rủ nhau chơi xóc đĩa ăn tiền, nhưng anh Tuấn không cho đánh bạc. Các đối tượng Ng, B, T, N, L rủ nhau đi sang nhà Nguyễn Tri S mượn nhờ địa điểm đánh bạc. Khi đi Ng cầm theo 01 bát, 01 đĩa men bằng sứ và 04 quân vị hình tròn để làm dụng cụ đánh bạc, Ng và Th vào trong nhà gặp S đang nằm xem ti vi, Ng hỏi cho đánh bạc nhờ tý, S đồng ý và bảo mọi người đi vào trong buồng ở gian ngoài hiên đánh bạc. Ng, Th và cả nhóm đi vào ngồi chơi xóc đĩa ăn tiền, quy ước mỗi lần đặt tiền theo cửa "Chẵn" – "Lẻ" từ 50.000đồng đến 100.000đồng. Phùng Xuân B là người xóc cái. Các đối tương đang đánh bạc thì có thêm: Nguyễn Tiến T, Nguyễn Trọng S1 và Nguyễn Tú A đến cùng tham gia đánh bạc. Trong khi đang đánh bạc, B cùng với các đối tượng đánh bạc thống nhất mỗi người đánh bạc bỏ ra từ 20.000 đồng đến 30.000 đồng (tiền hồ phế) cho chủ nhà S. Các đối tượng đã để ra số tiền 200.000 đồng để ở chiếu bạc. Khi đang đánh bạc thì thấy Nguyễn Tiến T1 (tức B) đến đứng xem đánh bạc. Do S vẫn ngồi xem ti vi ở gian nhà giữa nên B cầm 200.000 đồng đưa cho anh T1 và nói "nhờ T1 cầm hộ tiền điện nước cho S". Anh T1 mới đang đứng xem đánh bạc chưa đưa 200.000 đồng cho S thì 22 giờ 15 phút cùng ngày, Công an huyện Chương Mỹ bắt quả tang các đối tượng: B, S1, T, Ng, T, N, L, Tú A đang đánh bạc ăn tiền, bằng hình thức chơi xóc đĩa tại nơi ở của Nguyễn Tri S và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

+ Thu tại chiếu bạc: 700.000 đồng;

+ Các đối tượng đánh bạc bị bắt giữ tự nguyện giao nộp 5.350.000 đồng và Nguyễn Tiến T1 giao nộp 200.000 đồng.

+ 01 đĩa men sứ, 01 bát men sứ, 04 quân vị cắt bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba.

+ 01 chiếu cói màu đỏ.

Các bị cáo khai nhận và Cơ quan điều tra đã chứng minh được hành vi cụ thể của từng bị cáo như sau:

1. **Nguyễn Tri S** là chủ nhà đồng ý cho các đối tượng đến đánh bạc tại nhà ở của mình, S nằm trong gian giữa nhà xem ti vi, không tham gia đánh bạc nhưng sẽ được hưởng lợi 200.000 đồng từ việc cho mượn địa điểm đánh bạc.

2. **Phùng Xuân B** sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc, là người xóc cái, Bằng tự bỏ ra chiếu 70.000 đồng tiền hồ phế (của B 40.000 đồng và nộp cho N 30.000 đồng), cầm 200.000 đồng tiền hồ phế đưa cho Nguyễn Tiến T1, nhờ T1

giao cho S. Khi Công an bắt giữ, Bằng bị thua còn 100.000 đồng để dưới chiếu bạc và 580.000 đồng giấu trong người đã tự giao nộp.

3. **Nguyễn Bá Ng** sử dụng 1.500.000 đồng đánh bạc, nộp hồ phế 30.000 đồng. Khi Công an bắt giữ, Ng thắng để 200.000 đồng dưới chiếu và giấu trong người 1.440.000 đồng tự giao nộp (tổng thu của Ng là 1.640.000 đồng).

4. **Bùi Đình L** sử dụng 1.700.000 đồng đánh bạc, nộp hồ phế 30.000 đồng. Khi Công an bắt giữ, L bị thua còn lại 1.500.000 đồng giấu trong người đã tự giao nộp.

5. **Nguyễn Công Th** sử dụng 1.000.000 đồng đánh bạc. Khi Công an bắt giữ, T bị thua 20.000 đồng, còn lại 980.000đồng, để 100.000 đồng dưới chiếu bạc và giấu trong người 880.000 đồng đã tự giao nộp.

6. **Nguyễn Tiến T** sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, nộp hồ phế 30.000 đồng, đánh bạc lúc được lúc thua. Khi Công an bắt giữ, T thắng được thành 800.000đồng, T để 100.000 đồng dưới chiếu bạc và giấu trong người 700.000 đồng đã tự giao nộp (Tổng thu của T là 800.000 đồng).

7. **Nguyễn Tú A** sử dụng 250.000 đồng đánh bạc bị thua 100.000đồng. Khi Công an bắt giữ còn lại 150.000 đồng đã tự nguyện giao nộp.

8. **Nguyễn Trọng S1** sử dụng 200.000 đồng nộp hồ phế 40.000 đồng, đánh bạc bị thua hết tiền.

9. **Phùng Xuân N** sử dụng 100.000 đồng đánh bạc (được Bằng cho 30.000 đồng nộp tiền hồ phế). Khi Công an bắt giữ, N thắng được thành 300.000 đồng, để 200.000 đồng dưới chiếu bạc và giấu trong người 100.000 đồng đã tự giao nộp.

Ngoài ra, khi bắt giữ tại khu vực đánh bạc còn có: Anh Nguyễn Danh B1 đứng xem không tham gia đánh bạc và Nguyễn Tiến T1 đứng xem đánh bạc thì được B nhờ cầm hộ 200.000 đồng tiền điện nước đưa cho Nguyễn Tri S, nhưng chưa đưa cho S, T1 đã tự nguyện giao nộp.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 08/01/2018, VKSND huyện C truy tố các bị cáo: **Nguyễn Tri S**, **Phùng Xuân B**, **Nguyễn Bá Ng**, **Bùi Đình L**, **Nguyễn Công Th**, **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Tú A**, **Nguyễn Trọng S1** và **Phùng Xuân N** về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình năm 2015 . Xử phạt: **Nguyễn Tri S**, **Phùng Xuân B** mỗi bị cáo từ 09 - 12 tháng tù; xử phạt bị cáo **S1** từ 03 -06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 (thêm khoản 2 Điều 51 đối với Nguyễn Tiến T); Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt:

+ Nguyễn Bá Ng, **Bùi Đình L**, **Nguyễn Công Th** mỗi bị cáo từ 06-09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 đến 18 tháng;

+ **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Tú A** và **Phùng Xuân N** mỗi bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 12 tháng;

- Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo;

- Đề nghị tịch số tiền 6.250.000 đồng để sung quỹ Nhà nước;

- Đề nghị tịch thu để tiêu hủy 01 đĩa men sứ, 01 bát men sứ, 04 quân vị cắt bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếu cói màu đỏ.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Viện kiểm sát đã truy tố, không tranh luận bào chữa gì thêm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa và trong giai đoạn điều tra đều trình bày họ chỉ là người xem đánh bạc, không tham gia đánh bạc; diễn biến việc đánh bạc đúng như các bị cáo đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên và Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động: "Điều tra", "Truy tố" đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để các bị cáo và người tham gia tố tụng khác thực hiện đủ, đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ. Các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát thu thập đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có giá trị chứng minh trong quá trình giải quyết vụ án.

Người làm chứng đã được tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ đề nghị của các bị cáo; Kiểm sát viên và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nghị bàn tại bàn xét xử, quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

[**2]. Về Nội dung**:

2.1. Xem xét lời khai của các bị cáo, đánh giá hành vi của từng bị cáo, đối chiếu với quy kết tại cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 08/01/2018 và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên:

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với: Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang; Lời khai của từng bị cáo về hành vi của nhau; Lời khai của người làm chứng; Vật chứng đã thu giữ và diễn biến khách quan của vụ án. Đủ cơ sở để xác định:

Khoảng hơn 20 giờ 30 phút đến 22 giờ 15 phút ngày 30/11/2017, tại nhà của Nguyễn Tri S. Có: Phùng Xuân B, Nguyễn Bá Ng, Bùi Đình L, Nguyễn Công Th, Nguyễn Tiến T, Nguyễn Tú A, Nguyễn Trọng S1 và Phùng Xuân N đã đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức "Chơi xóc đĩa" với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc là: 6.250.000 đồng. Đối chiếu với quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghiên cứu quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015, có đủ cở sở pháp luật quy kết bị cáo: B, Ng, L, Th, T, A, S1 và N phạm tội ''Đánh bạc".

Riêng bị cáo Nguyễn Tri S không trực tiếp đánh bạc, nhưng là người giúp sức, cho mượn địa điểm để 08 bị cáo đánh bạc nhằm hưởng lợi bất chính, số tiền mà 08 bị cáo sử dụng đánh bạc dưới 20.000.000 đồng nên không thuộc trường hợp quy mô lớn nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 hoặc Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên: Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: "*Người tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc thuộc trường hợp chưa đến mức được hướng dẫn tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, nếu tổng số tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì tuy họ không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nhưng họ phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc"*. Do vậy bị cáo S đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc.

Tại thời điểm xét xử, Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 nặng hơn mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy căn cứ hướng dẫn Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 để áp dụng đối với các bị cáo.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố các bị cáo: S, B, Ng, L, Th, T, A, S1 và bị cáo N về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

2.2. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với các bị cáo.

2.2.1. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*:

Các bị cáo không có tình tăng nặng trách nhiệm hình sự.

2.2.2. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Bị cáo T có bố đẻ là bệnh binh nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho họ khi quyết định hình phạt.

Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với các bị cáo vì thời điểm các bị cáo phạm tội thì Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật và quy định của Điều luật này không bất lợi cho các bị cáo.

2.3. Đánh giá vai trò, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội của từng bị cáo, xem xét mức hình phạt, loại hình phạt cần áp dụng đối với mỗi bị cáo:

2.3.1. *Đánh giá vai trò, mức độ, tính nguy hiểm cho xã hội và mức hình phạt đối với từng bị cáo*:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và việc xây dựng nếp sống văn hóa mới ở địa phương, trái với quy định của pháp luật. Do vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo.

+ Bị cáo S là chủ nhà; bị cáo B là người trực tiếp xóc cái, gom và nhờ T1 đưa tiền hồ phế cho S, nên hai bị cáo này có vai trò cao nhất phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác;

+Các bị cáo: Ng, L, Th đều trực tiếp tham gia đánh bạc, sử dụng số tiền từ 1.000.000 đến 1.700.000 đồng, nên 04 bị cáo này phải chịu mức hình phạt tương đương nhau.

+Bị cáo T sử dụng 500.000 đồng đánh bạc là nhiều hơn bị cáo A sử dụng 250.000 đồng, bị cáo S1 sử dụng 200.000 đồng và bị cáo N sử dụng 100.000 đồng đánh bạc đánh bạc, mức độ vai trò của các bị cáo được xác định tương đương với số tiền đánh bạc. Tuy nhiên: Bị cáo S1 mặc dù sử dụng số tiền đánh bạc ít nhưng khi được thay đổi biện pháp ngăn chặn lại thực hiện hành vi phạm tội đã bị khởi tố, thể hiện tính coi thường pháp luật; bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ

quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, nên S1, T chỉ phải chịu mức hình phạt tương đương các bị cáo A và bị cáo N.

2.3.2. Xem xét loại hình phạt cần áp dụng đối với từng bị cáo:

+Bị cáo S1 trong thời gian bị áp dụng biên pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" nhưng lại có hành vi vi phạm pháp luật, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hạ Long khởi tố bị can về hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 quy định: "*Không cho hưởng án treo nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây...* điểm c *"Trong hồ sơ thể hiện là ngoài lần phạm tội và bị đưa ra xét xử, họ còn có hành vi phạm tội khác đã bị xét xử trong một vụ án khác hoặc đang bị khởi tố, điều tra, truy tố trong một vụ án khác*". Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo S1 với xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội

Các bị cáo: S, B, Ng, Th, T, A và bị cáo N đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; cùng được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; riêng bị cáo T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly các bị cáo này với xã hội, mà căn cứ Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật cũng có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Kiểm sát viên đề nghị loại hình phạt tù, cách ly bị cáo S và bị cáo B với xã hội là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Đối với các bị cáo: Ng, Th, T, A và bị cáo N bị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng loại phạt tù cho hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên việc Kiểm sát viên đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử .

Xét các bị cáo đều không có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên và các bị cáo.

2.4. Xem xét lời khai của người làm chứng:

Những người làm chứng là anh T1 trình bày: Khi những đối tượng đến nhà anh chơi hỏi chơi bạc tại nhà anh thì anh không đồng ý, khi họ đi ra khỏi nhà anh thì anh không biết và cũng không biết ai lấy bát, đĩa từ nhà anh. Khi anh đến nhà anh S chơi mới thấy các bị cáo đánh bạc thì đứng xem đánh bạc, không tham gia đánh bạc, anh có cầm 200.000 đồng do Ng nhờ đưa cho anh S, không biết đó là tiền thu hồ

phế, chưa kịp đưa tiền cho bị cáo S thì bị Công an phát hiện là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự đối với anh T1 là phù hợp.

Quá trình điều tra, anh B1 khai: Anh có đến xem đánh bạc, nhưng không tham gia đánh bạc; các bị cáo đánh bạc đều khai anh B1 không tham gia đánh bạc là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự là phù hợp.

2.6. Về Vật chứng của vụ án:

Tại thời điểm xét xử, Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Qui định về xử lý "*....Vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm*" cụ thể, chi tiết và đảm bảo quyền lợi của bị cáo, người thạm gia tố tụng hơn so với Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999. Hội đồng xét xử căn cứ các quy định về xử lý "*....Vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm*" tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để giải quyết.

- Số tiền 6.250.000 đồng đã thu giữ là tiền sử dụng đánh bạc, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 tịch thu để sung quỹ Nhà nước .

- 01 đĩa men sứ, 01 bát men sứ, 04 quân vị cắt bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếu cói màu đỏ các bị cáo sử dụng là công cụ cho mục đích đánh bạc, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: **Nguyễn Tri S**, **Phùng Xuân B**, **Nguyễn Bá Ng**, **Bùi Đình L**, **Nguyễn Công Th**, **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Tú A**, **Nguyễn Trọng S1** và **Phùng Xuân N** phạm tội "Đánh bạc".

2. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 248; điểm h, pkhoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt:

2.1. **Nguyễn Tri S 06** (***Sáu***) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. .

2.2. **Phùng Xuân B 06** (***Sáu***) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. .

2.3. **Nguyễn Bá Ng 05** (***Năm***) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.4. **Bùi Đình L 05** (***Năm***) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.5. **Nguyễn Công Th 05** (***Năm***) tháng tù; nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.6.Nguyễn Tú A 04 (***Bốn***) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2.7. **Phùng Xuân N 04** (***Bốn***) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt **Nguyễn Tiến T 04** (***Bốn***) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời hạn thử thách là **12** (***Mười hai***) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

4. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Phạt **Nguyễn Trọng S1 04** (***Bốn***) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 02/11/2017.

5. Giao: **Nguyễn Tri S**, **Phùng Xuân B**, **Nguyễn Bá Ng**, **Nguyễn Công Th**, **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Tú A** và **Phùng Xuân N** cho Uỷ ban nhân dân xã TT, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

6. Giao **Bùi Đình L** cho Uỷ ban nhân dân xã Th, huyện C, Thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

7. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

7.1. **Tịch thu** số tiền 6.250.000 (*Sáu triệu, hai trăm lăm mươi nghìn*) đồng đã thu giữ để sung quỹ Nhà nước. S*ố tiền này hiện đang tạm giữ trong tài khoản số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ tại Kho bạc Nhà nước huyện C theo GIẤY NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN do Công an huyện Chương Mỹ nộp ngày 11/01/2018*.

7.2.**Tịch thu**: 01 đĩa men sứ, 01 bát men sứ, 04 quân vị cắt bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba và 01 chiếu cói màu đỏ để tiêu hủy. *Số vật chứng này, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, có tình trạng như Biên bản*

giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ ngày 11/01/2018.

8. Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14:

Buộc: **Nguyễn Tri S**, **Phùng Xuân B**, **Nguyễn Bá Ng**, **Bùi Đình L**, **Nguyễn Công Th**, **Nguyễn Tiến T**, **Nguyễn Tú A**, **Nguyễn Trọng S1** và **Phùng Xuân N** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Công an Chương Mỹ - Hà Nội;
- Chi cục THADS; Thi hành án HS;
- UBND xã Tân Tiến;
- UBND xã Thủy Xuân Tiên;
- Các bị cáo;
- Lưu HS/V.Phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Minh Hoàng